

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HC-ST
Ngày: 24-01-2025
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực thuế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Diệu

Ông Điều Bách

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 29 tháng 11 năm 2024 và các ngày 21, 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLST-HC ngày 19/7/2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực Thuế*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HC ngày 28/10/2024, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Công ty Cổ phần N2; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Lê T và ông Phan Văn D; địa chỉ: lô B, đường L, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Bà Trần Thị N, CCCD: 033190006403 (có mặt)
- Bà Hà Mỹ Dạ T1, CCCD: 040190006869 (vắng mặt)
- Ông Trần Việt D1, CCCD: 035093000485 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tầng B, TNR T, E N, quận Đ, Hà Nội.

*** Người bị kiện:**

- Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Hoàng Văn H, số CCCD: 044071004935, địa chỉ: số F, Quốc lộ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt khi tuyên án).

2. Cục Thuế tỉnh B; người đại diện theo pháp luật: ông Lâm Văn Đ, chức vụ: Cục trưởng

Người đại diện theo ủy quyền của Cục Thuế tỉnh: ông Tạ Hoàng G, chức vụ: Phó cục trưởng (vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ trụ sở: số F, quốc lộ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện Công ty Cổ phần N2 trình bày:

Công ty Cổ phần N2 (sau đây gọi tắt là “Lộc Ninh 4”) được thành lập từ ngày 11/10/2018, là chủ đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Đ1 (sau đây gọi tắt là “Dự án”). Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 890/QĐ-UBND ngày 02/05/2019; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3126/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 2359/QĐ-UBND ngày 13/09/2021 với diện tích xây dựng Nhà máy điện mặt trời là 240ha, công suất thiết kế 200MWp. Trong quá trình đầu tư, xây dựng, vận hành Dự án, Lộc Ninh 4 luôn nghiêm túc chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, giải quyết công ăn việc làm cho địa phương và các công tác an sinh xã hội khác.

Ngày 01/12/2020, Lộc Ninh 4 đã nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đối với Dự án lần đầu, kỳ đề nghị hoàn Quý 1/2019 đến Quý 3/2020. Hồ sơ đã được Đoàn kiểm tra - Cục thuế tỉnh B kiểm tra trước khi hoàn thuế theo Quyết định số 2084/QĐ-CT ngày 07/12/2020 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh B. Ngày 29/12/2020, Cục trưởng Cục thuế tỉnh B đã ban hành Quyết định hoàn thuế số 2224/QĐ-CT với nội dung: “*Hoàn trả Lộc Ninh 4 số tiền thuế GTGT là 8.665.976.858 đồng, kỳ tính thuế Quý 1/2019 đến Quý 3/2020*”. Ngày 02/01/2021, Lộc Ninh 4 tiếp tục nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đối với Dự án lần hai, kỳ đề nghị hoàn Quý 4/2020. Hồ sơ hoàn thuế đã được Đoàn kiểm tra - Cục thuế tỉnh B kiểm tra trước khi hoàn thuế theo Quyết định số 26/QĐ-CT ngày 11/01/2021 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh B. Ngày 25/01/2021, Cục trưởng Cục thuế tỉnh B đã ban hành Quyết định hoàn thuế số 114/QĐ-CT với nội dung: “*Hoàn trả Lộc Ninh 4 số tiền thuế GTGT là 254.953.678.319 đồng, kỳ tính thuế Quý 4/2020*”.

Ngày 17/5/2023, Cục thuế tỉnh B lập biên bản làm việc yêu cầu Lộc Ninh 4 kê khai điều chỉnh bổ sung và nộp lại số tiền thuế GTGT đã được hoàn tương ứng với diện tích đất 63ha chưa được cho thuê trên tổng số 240ha diện tích toàn dự án. Tuy nhiên, đến ngày 11/08/2023, Cục thuế tỉnh B lại tiếp tục ra Quyết định số 1020/QĐ-CT về việc thanh tra thuế tại L. Ngày 10/11/2023, theo yêu cầu của Cục thuế tỉnh B tại Biên bản ngày 17/5/2023, L đã chủ động rà soát, kê khai để nộp lại 52.778.839.502 đồng tiền hoàn thuế GTGT và 16.134.491.236 đồng tiền chậm nộp đối với phần diện tích 63ha. Ngày 23/11/2023, trong quá trình Đoàn Thanh tra thuế - Cục thuế tỉnh B làm việc, rà soát về việc hoàn thuế, L đã có văn bản số 221123/CV-LN4 trình bày tình hình thực hiện Dự án, giải trình về các kiến nghị của Đoàn thanh tra thuế. Ngày 28/11/2023, Đoàn thanh tra 1020/QĐ-CT đã lập

Biên bản thanh tra thuế tại L, thanh tra thuế từ Quý 1/2019 đến Quý 4/2020. Ngày 28/12/2023, Cục trưởng Cục thuế tỉnh B ban hành Kết luận Thanh tra số 5479/KL-CT (Sau đây gọi tắt là “Kết luận Thanh tra số 5479”), xác định L không đủ điều kiện hoàn thuế GTGT, kiến nghị xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với L.

Ngày 28/12/2023, Cục trưởng Cục thuế tỉnh B ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 1642/QĐ-XPHC đối với L. Ngày 23/01/2024, L đã khiếu nại Kết luận Thanh tra số 5479 và Quyết định số 1642. Ngày 01/04/2024, Cục trưởng Cục thuế tỉnh B đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 405/QĐ-CTBPH với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của L, yêu cầu L 4 thực hiện theo Thanh tra số 5479 và Quyết định số 1642. Sau đó, Lộc Ninh 4 không tiến hành thủ tục khiếu nại lần 2. Để thi hành Quyết định 1642, ngày 11/04/2024, Cục trưởng Cục thuế tỉnh B ban hành Quyết định số 283/QĐ-CTBPH-KĐT về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền của Lộc Ninh 4 từ tài khoản số 11001010589888 mở tại Ngân hàng TMCP H1 để nộp vào tài khoản số 7111 của Cục T mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh B. Cùng ngày, Cục thuế tỉnh B ban hành Lệnh thu ngân sách nhà nước số 2506/TB-CTBPH-KĐT đề nghị Ngân hàng TMCP H1 trích tiền từ tài khoản số 11001010589888 của L để nộp vào Ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 405.305.740.774 đồng. Ngày 13/05/2024, Cục thuế tỉnh B tiếp tục ban hành Quyết định số 486/QĐ-CTBPH-KĐT về việc cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với L. Thời gian thực hiện cưỡng chế từ ngày 13/05/2024 đến ngày 13/05/2025. Việc làm này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của L.

Quyết định xử phạt hành chính số 1642 có nội dung phạt tiền 52.723.931.035 đồng, thu hồi toàn bộ tiền hoàn thuế 263.619.655.176 đồng và buộc nộp tiền chậm nộp thuế 83.188.812.788 đồng đối với Lộc Ninh 4 hoàn toàn không đúng theo quy định pháp luật vì những lý do sau:

Quyết định 1642 buộc Lộc Ninh 4 phải hoàn trả lại toàn bộ tiền hoàn thuế GTGT 263.619.655.176 đồng là không đúng quy định pháp luật. Theo quy định tại điểm 2, 3 khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ T3 quy định về điều kiện hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư là Dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư. Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định về dự án đầu tư với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là Dự án được cấp phép đầu tư và Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Sau khi Dự án đi vào hoạt động, L đã được các Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép hoạt động điện lực. Về đất đai: Theo Quyết định số 2359/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh B thì phải đến tháng 12/2021 Lộc Ninh 4 mới phải hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan đến đất đai đối với diện tích 63ha.

Lộc Ninh 4 nộp hồ sơ hoàn thuế trước thời điểm tháng 12/2021, nên tại thời điểm khai hồ sơ đề nghị hoàn thuế, L không vi phạm thủ tục liên quan đến đất đai đối với diện tích 63ha. Về xây dựng: Tại thời điểm khai hồ sơ hoàn thuế, L đã được cấp Giấy phép xây dựng số 31/GPXD ngày 10/01/2020 được thay thế bởi Giấy phép xây dựng số 154/GPXD ngày 22/12/2020. Trên cơ sở hồ sơ đã có, L đã nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đối với Dự án theo hồ sơ đề nghị hoàn thuế lần đầu ngày 01/12/2020 và hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT lần hai ngày 02/01/2021. Đoàn kiểm tra trước hoàn thuế của Cục thuế tỉnh B đã kiểm tra và đều kết luận hồ sơ hoàn thuế của Lộc Ninh 4 đúng theo quy định pháp luật; Lộc Ninh 4 thuộc trường hợp được hoàn thuế GTGT. Vì vậy, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1642 đối với L về hành vi *“khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn”* là trái quy định pháp luật và mâu thuẫn với chính Quyết định hoàn thuế đã ban hành trước đó của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Phước.

Quyết định 1642 buộc L phải chịu phạt về hành vi khai sai dẫn đến tăng số thuế được hoàn 52.723.931.035 đồng và buộc nộp tiền chậm nộp tiền thuế 83.188.812.788 đồng là không phù hợp quy định pháp luật. Như đã phân tích ở phần thứ nhất, tại thời điểm khai hồ sơ đề nghị hoàn thuế, L thuộc trường hợp được hoàn thuế GTGT, nên Lộc N1 4 không phải chịu tiền phạt. Ngoài ra, theo khoản 11, Điều 16 Luật quản lý thuế năm 2019 quy định quyền của người nộp thuế *“11. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế”*. Tại khoản 5 Điều 2 giải thích từ ngữ tại Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn quy định: *“5. Quyết định xử lý của cơ quan thuế liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế là quyết định xử lý về hoàn thuế đối với trường hợp kiểm tra trước hoàn thuế; quyết định miễn, giảm thuế; quyết định về gia hạn nộp hồ sơ khai thuế; xử lý số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hoặc được hoàn hoặc số lỗ chuyển kỳ sau trên quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.”*

Đối chiếu với diễn biến thực tế, việc Lộc Ninh 4 được hoàn thuế GTGT từ Quý 1/2019 đến Quý 4/2020 là trường hợp người nộp thuế thực hiện theo quyết định xử lý của cơ quan thuế (*Quyết định về việc hoàn thuế số 2224/QĐ-CT ngày 29/12/2020 và Quyết định về việc hoàn thuế số 114/QĐ-CT ngày 25/1/2021 của Cục thuế tỉnh B*). Vì vậy, theo những căn cứ pháp luật ở trên, L không thuộc trường hợp bị xử phạt hành chính về thuế và không bị tính tiền chậm nộp đối với khoản hoàn thuế. Cục trưởng Cục thuế tỉnh B ra Quyết định xử phạt hành chính và buộc nộp tiền chậm nộp đối với L là không đúng quy định pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của Lộc N1. Theo hướng dẫn của Cục thuế tỉnh B, ngày 10/11/2023, L đã nộp lại 52.778.839.502 đồng tiền hoàn thuế GTGT và 16.134.491.236 đồng tiền chậm nộp tương đương với phần diện tích 63ha. Tuy

nhiên, Quyết định 1642 vẫn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là thu hồi toàn bộ số tiền hoàn thuế GTGT và tính toán số tiền chậm nộp đối với toàn bộ 240ha Dự án mà không xem xét đến việc L đã hoàn trả lại các khoản tiền cho Cơ quan thuế ngày 10/11/2023 là không toàn diện, không chính xác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Lộc Ninh 4. Theo quy định tại Điều 108 Luật quản lý thuế năm 2019 quy định: *“Trường hợp xác định rõ hành vi vi phạm hành chính tại biên bản thanh tra thuế, thì biên bản thanh tra thuế, được xác định là biên bản vi phạm hành chính”*. Tuy nhiên, Biên bản thanh tra ký ngày 28/11/2023 chỉ nêu các sai phạm liên quan đến dự án, điều kiện hoàn thuế của dự án đầu tư mà không chỉ ra hành vi vi phạm cụ thể của Lộc Ninh 4 trong lĩnh vực thuế. Biên bản thanh tra chưa làm rõ được hành vi vi phạm hành chính (*xác định, mô tả hành vi; chứng cứ, biểu hiện khách quan của hành vi; điều luật quy định hành vi phạm...*) thì không được xem là Biên bản vi phạm hành chính làm căn cứ ban hành Quyết định xử phạt. Ngoài ra, tại Kết luận Thanh tra và Quyết định 1642 cũng chỉ xác định *“Công ty có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn”* và dẫn chiếu hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 là trái với M Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (MQĐ02) quy định trong Phụ lục kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021. Theo đó, khi ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì người xử phạt bắt buộc phải *“Ghi cụ thể điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể”*. Quyết định 1642 đã không làm rõ Lộc Ninh 4 vi phạm theo điểm nào trong khoản 1 Điều 16 Nghị định 125/2020/NĐ-CP khiến người bị xử phạt không biết mình khai sai như thế nào, vi phạm nội dung gì. Việc không chỉ rõ hành vi vi phạm trong Quyết định xử phạt gây ảnh hưởng đến quyền đưa ra ý kiến, giải trình, khiếu nại, khởi kiện của doanh nghiệp.

Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, Công ty Cổ phần N2 4 nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tuyên:

1. Hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 1642/QĐ-XPHC ngày 28/12/2023 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

2. Hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 405/QĐ-CTBPH ngày 01/04/2024 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần N2 (lần đầu).

3. Hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 283/QĐ-CTBPH-KĐT ngày 11/04/2024 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Phước về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng.

4. Hủy bỏ Lệnh thu ngân sách nhà nước số 2506/TB-CTBPH-KĐT ngày 11/04/2024 của Cục thuế tỉnh B.

5. Hủy bỏ Quyết định số 486/QĐ-CTBPH-KĐT ngày 13/05/2024 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Phước về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính

về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.

6. Hủy bỏ Thông báo số 3770/TB-CTBPH-KĐT ngày 13/05/2024 của Cục thuế tỉnh B về việc ngừng sử dụng hóa đơn.

Người bị kiện Cục thuế tỉnh B; Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Phước và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Tạ Hoàng G trình bày:

I. Quá trình giải quyết hoàn thuế cho Công ty Cổ phần N2 (sau đây được gọi tắt là Công ty N2) đối với dự án đầu tư “Nhà máy Đ1”.

1. Về thủ tục, hồ sơ hoàn thuế:

Công ty thực hiện nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 71 Chương VIII Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Quốc Hội gồm: Văn bản yêu cầu hoàn thuế và các hồ sơ liên quan đến hồ sơ đề nghị hoàn thuế. Tại thời điểm này, thủ tục hoàn thuế đang áp dụng theo quy định tại Điều 49 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ T3.

2. Căn cứ điều kiện hoàn thuế:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 sửa đổi, bổ sung Điều 18 của Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ T3; khoản 1 Điều 19 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ T3 quy định về điều kiện và thủ tục hoàn thuế giá trị gia tăng.

"1. Các cơ sở kinh doanh, tổ chức thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT theo hướng dẫn tại điểm 1, 2, 3, 4, 5 Điều 18 Thông tư này phải là cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép đầu tư (giấy phép hành nghề) hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền, có con dấu theo đúng quy định của pháp luật, lập và lưu giữ sổ kế toán, chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng theo mã số thuế của cơ sở kinh doanh."

3. Hồ sơ do Công ty N2 cung cấp cho cơ quan Thuế:

STT	Tên hồ sơ	Ngày hồ sơ	Ghi chú
1	Giấy chứng nhận ĐKDN	11/10/2018	Đăng ký lần đầu
		27/11/2020	Thay đổi lần thứ 6
		23/3/2021	Thay đổi lần thứ 7
2	Thỏa thuận đấu nối hệ thống điện MT số 0720/EVNNPT-TTĐN	12/3/2019	giữa Tổng Công ty truyền tải điện quốc gia và các Công ty Cổ phần năng lượng Lộc Ninh
3	QĐ Chủ trương đầu tư số 890/QĐ-UBND	02/5/2019	Dự án "Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 4"
4	Hợp đồng mua bán điện	29/6/2019	giữa Công ty Cổ phần Năng

	nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh 4 số 06/2019/HĐ-NMĐMT- Lộc ninh 4		lượng Lộc Ninh 4 với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
5	QĐ số 1453/QĐ-UBND	10/7/2019	Phê duyệt báo cáo đánh giá TĐMT của Dự án
6	QĐ số 611/QĐ-SKHĐT- ĐKKD	22/4/2020	Do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp v/v chấp thuận cho nhà đầu tư giãn tiến độ thực hiện dự án.
7	QĐ số 3187/QĐ-UBND	17/12/2020	QĐ thu hồi đất đồng thời cho Cty LN4 thuê đất. Diện tích khoảng 145ha
8	Giấy phép xây dựng số 154/GPXD-SXD-HCC	22/12/2020	Tổng diện tích được cấp phép xây dựng khoảng 145ha theo Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 17/12/2020.
9	Giấy phép hoạt động điện lực số 353/GP- ĐTĐL	23/12/2020	Do Cục điều tiết điện lực - Bộ Công thương cấp.

Căn cứ các quy định viện dẫn trên và hồ sơ về dự án đầu tư "Nhà máy Đ1" do Công ty N2 cung cấp cho Đoàn kiểm tra trước hoàn thuế, Cục T2 đã hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) cho Công ty hai lần với tổng số tiền: 263.619.655.176 đồng (lần 1 ngày 30/12/2020, số tiền là 8.665.976.857 đồng; lần 2 ngày 25/01/2021, số tiền là 245.953.678.319 đồng).

II. Về việc yêu cầu Hủy Quyết định số 1642/QĐ-XPHC ngày 28/12/2023 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B.

Qua thu thập thông tin và giám sát sau hoàn thuế GTGT, Cục thuế tỉnh phát hiện đến tháng 12/2021 Công ty N2 chưa hoàn thành hồ sơ pháp lý đối với diện tích đất còn lại (khoảng 63ha) theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND (điều chỉnh lần 1) ngày 10/12/2020; Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 13/09/2021 (điều chỉnh lần 2) của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc gia hạn thời gian hoàn thiện thủ tục pháp lý liên quan đến đất đai cho phần diện tích còn lại đến ngày 31/12/2021. (Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 10/12/2020, tại thời điểm kiểm tra trước hoàn thuế GTGT, Công ty N2 4 không cung cấp cho đoàn kiểm tra). Nhận thấy, Công ty N2 4 chưa hoàn thiện pháp lý về đất đai theo Quyết định số 2359 của Ủy ban nhân dân tỉnh là chưa chấp hành đúng quy định pháp luật về đầu tư, dẫn đến có sai phạm trong chính sách hoàn thuế GTGT. Vì vậy, Ngày 11/8/2023, Cục T tỉnh đã ban hành Quyết định thanh tra số 1020/QĐ-CT về việc thanh tra thuế tại Công ty N2;

căn cứ kết quả thanh tra Công ty có những vi phạm pháp luật đầu tư (về đất đai, xây dựng), nên Cục trưởng Cục thuế tỉnh đã ban hành Quyết định số 1642/QĐ-XPHC ngày 28/12/2023 về việc xử lý vi phạm hành chính về thuế.

III. Về việc yêu cầu Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 405/QĐ-CTBPH ngày 01/04/2024 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh.

Qua xác minh, Công ty N2 có các hành vi vi phạm hành chính, bị cơ quan có thẩm quyền (Sở Xây dựng tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh) xử lý, đã nêu trong Quyết định 405/QĐ-CTBPH. Như vậy: Việc thực hiện dự án nhà máy Đ1 không đúng pháp luật về đầu tư: Đã có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng theo kết luận của các cơ quan có thẩm quyền. Căn cứ vào khoản 3 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC (nêu ở trên) thì Dự án nhà máy Đ1 không đủ điều kiện hoàn thuế, phải thu hồi số đã hoàn; điểm c Khoản 1 Điều 59 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền thuế đã hoàn trả phải thu hồi.

“ Điều 59. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế.

1. Các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp bao gồm:

c) Người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm giảm số tiền thuế đã được hoàn trả hoặc cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện số tiền thuế được hoàn nhỏ hơn số tiền thuế đã hoàn thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền thuế đã hoàn trả phải thu hồi kể từ ngày nhận được tiền hoàn trả từ ngân sách nhà nước;”

- Đối chiếu Khoản 2 Điều 9 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ thì không thuộc trường hợp Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp tiền thuế:

“2. Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp tiền thuế đối với người nộp thuế vi phạm hành chính về thuế do thực hiện theo văn bản hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế (kể cả các văn bản hướng dẫn, quyết định xử lý được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực), trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế chưa phát hiện sai sót của người nộp thuế trong việc khai, xác định số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn nhưng sau đó hành vi vi phạm hành chính về thuế của người nộp thuế bị phát hiện”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ thì phải xử phạt hành vi vi phạm hành chính khai số tiền thuế đã được hoàn cao hơn so với quy định :

“1. Phạt 20% số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế đã được miễn, giảm, hoàn cao hơn so với quy định đối với một trong các hành vi sau đây:

a, Khai sai căn cứ tính thuế hoặc số tiền thuế được khấu trừ hoặc xác định sai trường hợp được miễn, giảm, hoàn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp

hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn nhưng các nghiệp vụ kinh tế đã được phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ hợp pháp;”

Từ những phân tích và căn cứ pháp lý nêu trên Cục Thuế tỉnh xác định việc xử phạt vi phạm hành chính là có cơ sở pháp lý, vì vậy việc Cục trưởng Cục thuế tỉnh ban hành Quyết định số 405/QĐ-CTBPH ngày 01/04/2024 trong đó kết luận *“Không công nhận nội dung khiếu nại của Công ty Cổ phần N2 4”* là đúng quy định.

IV. Về việc yêu cầu Hủy Quyết định số 283/QĐ-CTBPH-KĐT ngày 11/04/2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B và Hủy Lệnh thu ngân sách nhà nước số 2506/TB-CTBPH-KĐT ngày 11/04/2024 của Cục Thuế tỉnh B. Hủy bỏ Quyết định số 486/QĐ-CTBPH-KĐT ngày 13/05/2024 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Phước về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn và Hủy bỏ Thông báo số 3770/TB-CTBPH-KĐT ngày 13/05/2024 của Cục thuế tỉnh B về việc ngừng sử dụng hóa đơn.

Căn cứ Điều 124 Luật quản lý thuế số: 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc hội. Trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

“1. Người nộp thuế có tiền thuế nợ quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định.

2. Người nộp thuế có tiền thuế nợ khi hết thời hạn gia hạn nộp tiền thuế.

3. Người nộp thuế có tiền thuế nợ có hành vi phát tán tài sản hoặc bỏ trốn.

4. Người nộp thuế không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế theo thời hạn ghi trên quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế, trừ trường hợp được hoãn hoặc tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt.

.....”.

Vì vậy, Cục thuế tỉnh B đã ban hành các Quyết định nêu trên là đúng quy định.

Tóm lại trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động, Công ty N2 thực hiện dự án "Nhà máy Đ1" đã đề nghị hoàn thuế GTGT và được hoàn thuế GTGT hai lần với tổng số tiền: 263.619.655.176 đồng (lần 1 ngày 30/12/2020 số tiền là 8.665.976.857 đồng; lần 2 ngày 25/01/2021 số tiền là 245.953.678.319 đồng). Tuy nhiên, Công ty có những vi phạm về hoàn thuế như sau:

Thứ nhất: Tại thời điểm Đoàn kiểm tra trước hoàn thuế GTGT (theo Quyết định kiểm tra số 26/QĐ-CT ngày 11/01/2021), Công ty N2 đã được cấp Quyết định số 3126/QĐ-UBND (Quyết định Chủ trương đầu tư điều chỉnh lần 1) ngày 10/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng Công ty không cung cấp cho Đoàn kiểm tra trước hoàn thuế.

Thứ hai: Kết thúc cuộc thanh tra theo Quyết định số 1020/QĐ-CT ngày 11/8/2023, Công ty N2 chưa hoàn thành thủ tục pháp lý đối với diện tích đất còn lại (khoảng 63ha) theo Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 13/09/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc gia hạn thời gian hoàn thiện thủ tục pháp lý liên quan đến đất đai cho phần diện tích còn lại đến ngày 31/12/2021, là chưa đúng quy định pháp luật về đầu tư, dẫn đến phải thu hồi hoàn thuế GTGT theo chính sách thuế GTGT.

Căn cứ quy định pháp luật (đã trích dẫn cụ thể tại các quyết định hành chính của Cục T) thì việc hoàn thuế và thu hồi hoàn thuế GTGT đối với Công ty Cổ phần N2 là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty N2.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không tiến hành đối thoại được, do đó Tòa án nhân dân tỉnh đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

****Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Người khởi kiện Công ty Cổ phần N2 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên:

1. Hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 1642/QĐ-XPHC ngày 28/12/2023 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

2. Hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 405/QĐ-CTBPH ngày 01/04/2024 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần N2 (lần đầu).

3. Hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 283/QĐ-CTBPH-KĐT ngày 11/04/2024 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Phước về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng.

4. Hủy bỏ Lệnh thu ngân sách nhà nước số 2506/TB-CTBPH-KĐT ngày 11/04/2024 của Cục thuế tỉnh B.

5. Hủy bỏ Quyết định số 486/QĐ-CTBPH-KĐT ngày 13/05/2024 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Phước về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.

6. Hủy bỏ Thông báo số 3770/TB-CTBPH-KĐT ngày 13/05/2024 của Cục thuế tỉnh B về việc ngừng sử dụng hóa đơn.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Cục Thuế tỉnh và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế tỉnh thống nhất với quan điểm trình bày của người bị kiện tại văn bản trình bày ý kiến, thừa nhận mặc dù về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 1642 Cục thuế có những thiếu sót nhưng đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần N2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần N2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- *Đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:* Công ty Cổ phần N2 (sau đây được gọi tắt là Công ty N2) khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên:

- Hủy Quyết định số 1642/QĐ-XPHC ngày 28/12/2023 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế (sau đây được gọi tắt là Quyết định số 1642).

- Hủy Quyết định số 405/QĐ-CTBPH ngày 01/04/2024 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần N2 (lần đầu) (sau đây được gọi tắt là Quyết định số 405).

- Hủy Quyết định số 283/QĐ-CTBPH-KĐT ngày 11/04/2024 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Phước về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng (sau đây được gọi tắt là Quyết định số 283).

- Hủy Lệnh thu ngân sách nhà nước số 2506/TB-CTBPH-KĐT ngày 11/04/2024 của Cục thuế tỉnh B (sau đây được gọi tắt là Lệnh thu số 2506).

- Hủy Quyết định số 486/QĐ-CTBPH-KĐT ngày 13/05/2024 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Phước về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn (sau đây được gọi tắt là Quyết định số 486).

- Hủy Thông báo số 3770/TB-CTBPH-KĐT ngày 13/05/2024 của Cục thuế tỉnh B về việc ngừng sử dụng hóa đơn (sau đây được gọi tắt là Thông báo số 3770).

Đây là các quyết định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực thuế, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính.

- *Thời hiệu khởi kiện:* Đối với các quyết định hành chính nêu trên là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1642

[2.1.1] *Tính có căn cứ về hình thức:*

Quyết định số 1642 được ban hành theo đúng hình thức quy định tại biểu mẫu MQĐ02 quy định phụ lục kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[2.1.2] *Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:*

- Thẩm quyền ban hành:

Cục trưởng Cục thuế tỉnh B ban hành Quyết định số 1642 để xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty N2 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 44 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020 và khoản 4 Điều 32 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (sau đây được gọi tắt là Nghị định số 125 của Chính phủ).

- Trình tự, thủ tục ban hành:

Ngày 11/8/2023, Cục trưởng Cục thuế tỉnh ban hành Quyết định thanh tra số 1020/QĐ-CT về việc Thanh tra thuế tại Công ty N2. Ngày 14/8/2023, Đoàn thanh tra đã trình lãnh đạo phê duyệt kế hoạch thanh tra thuế. Ngày 23/8/2023, Đoàn thanh tra đã ban hành Thông báo số 01/TB-TT1020 về việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác thanh tra thuế và công bố quyết định thanh tra ngày 23/08/2023. Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế GTGT (giai đoạn dự án đầu tư), thời kỳ thanh tra từ Quý 01/2019 đến Quý 04/2020 và các kỳ trước, sau có liên quan. Ngày 12/10/2023, Đoàn thanh tra lập biên bản xác nhận số liệu thanh tra (lần 1) ban hành thông báo số 02/TB-TT1020 về việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác thanh tra thuế. Ngày 24 tháng 10 năm 2023, Đoàn thanh tra ban hành thông báo số 03/TB-TT1020 về việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác thanh tra thuế. Ngày 05/10/2023, Cục thuế tỉnh ban hành quyết định về việc gia hạn thời hạn thanh tra số 1210/QĐ-CT. Ngày 26/10/2023, Cục thuế tỉnh đã ban hành Thông báo số 4580/TB-CTBPH về việc tạm dừng thời gian thanh tra thuế. Ngày 15/11/2023, Cục thuế tỉnh ban hành công văn số 4928/CTBPH-TTKT3 về việc không gia hạn thời gian thanh tra thuế trả lời công văn số 09/CV-CTBPH ngày 07/11/2023 của Công ty N2. Ngày 15/11/2023, Đoàn Thanh tra ban hành Thông báo số 4940/TB-ĐTTr về việc thông qua dự thảo biên bản thanh tra. Ngày 23/11/2023, Đoàn Thanh tra lập biên bản xác nhận số liệu thanh tra (lần 2), biên bản công khai và bàn giao dự thảo biên bản thanh tra. Ngày 28/11/2023, Đoàn thanh tra đã ký biên bản thanh tra thuế tại Công ty N2. Ngày

17/12/2023, Đoàn thanh tra đã ban hành Báo cáo kết quả thanh tra thuế tại Công ty N2. Căn cứ biên bản thanh tra thuế, ngày 28/12/2023, Cục trưởng Cục thuế tỉnh ban hành Quyết định số 1642 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Mục 1 Chương XIII Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 của Quốc hội; các Điều 36, 37, 38, 39 Nghị định số 125 của Chính phủ.

[2.1.3] Thời hạn, thời hiệu ban hành:

- Thời hạn ban hành: Sau khi Đoàn thanh tra 1020/QĐ-CT ban hành biên bản thanh tra thuế ngày 28/11/2023; ngày 28/12/2023, Cục trưởng Cục thuế tỉnh ban hành Quyết định số 1642 là đảm bảo thời hạn ban hành quyết định theo quy định tại Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

- Thời hiệu ban hành: Quyết định số 1642 được ban hành còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 125 của Chính phủ.

[2.1.4] Về nội dung Quyết định số 1642

Công ty N2 thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801185608 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cấp lần đầu ngày 11/10/2018, thay đổi lần thứ 7 ngày 23/03/2021. Ngày 02/5/2019, Công ty N2 được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 890/QĐ-UBND về việc chấp thuận cho Công ty N2 đầu tư dự án “Nhà máy Đ1” với tổng công suất 200 MWp; dự án được thực hiện tại xã L, huyện L trên diện tích khoảng 240ha. Ngày 10/12/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định chủ trương đầu tư số 3126/QĐ-UBND (điều chỉnh lần thứ nhất) với một số nội dung sau: Nguồn gốc đất thực hiện dự án: Khu đất thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH MTV V: gồm diện tích đất 150ha trong khu đất được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00476 ngày 17/11/2007; diện tích 63ha trong khu đất được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT10240 ngày 21/12/2017; diện tích 27,2ha trong khu đất được Ban Q giao khoán theo hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp số 12/HĐK-2004 ngày 12/4/2004, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp tại Công văn số 1474/UB-KSX ngày 13/7/2005 và đã có thỏa thuận nhận chuyển nhượng lại. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Từ tháng 3/2019 đến tháng 8/2019: Thực hiện các thủ tục pháp lý; Từ tháng 9/2019 đến tháng 6/2021: Xây dựng, lắp đặt thiết bị, đi vào hoạt động. Ngày 13/9/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định chủ trương đầu tư số 2359/QĐ-UBND (điều chỉnh lần thứ hai) với nội dung điều chỉnh sau: Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Từ tháng 3/2019 đến tháng 12/2020: Thực hiện các thủ tục pháp lý; thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 172,34ha trên tổng diện tích 240ha; xây dựng, lắp đặt thiết bị hoàn thành và phát điện thương mại tháng 12/2020; Từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021: Hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan đến đất đai phần diện tích còn lại của dự án khoảng 63ha.

Ngày 27/11/2020, Công ty N2 đã nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đối với dự án lần đầu, kỳ đề nghị hoàn Quý 1/2019 đến Quý 3/2020. Ngày 29/12/2020,

Cục trưởng Cục thuế tỉnh đã ban hành Quyết định hoàn thuế số 2224/QĐ-CT với nội dung: “Hoàn trả cho Công ty N2 4 số tiền thuế GTGT là 8.665.976.858 đồng, kỳ tính thuế Quý 1/2019 đến Quý 3/2020”. Ngày 02/01/2021, Công ty N2 tiếp tục nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đối với dự án lần hai, kỳ đề nghị hoàn Quý 4/2020. Ngày 25/01/2021, Cục trưởng Cục thuế tỉnh đã ban hành Quyết định hoàn thuế số 114/QĐ-CT với nội dung: “Hoàn trả Lộc Ninh 4 số tiền thuế GTGT là 254.953.678.319 đồng, kỳ tính thuế Quý 4/2020”. Ngày 02/6/2023, Cục trưởng Cục thuế tỉnh ban hành Quyết định 730/QĐ-CT về việc thu hồi hoàn thuế đối với Công ty N2, tổng số tiền thu hồi là 263.619.655.176 đồng, đồng thời yêu cầu Lộc N1 4 phải trả tiền chậm nộp là 67.846.807.758 đồng. Ngày 03/8/2023, Cục trưởng Cục thuế tỉnh lại ban hành quyết định 985/QĐ-CT về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 730 về việc thu hồi hoàn thuế đối với Công ty N2. Ngày 28/12/2023, Cục trưởng Cục thuế tỉnh ban hành Kết luận Thanh tra số 5479/KL-CT xác định Công ty N2 không đủ điều kiện hoàn thuế GTGT, kiến nghị xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty N2. Ngày 28/12/2023, Cục trưởng Cục thuế tỉnh ban hành Quyết định số 1642 đối với Công ty N2.

Người bị kiện xác định Công ty N2 có hành vi vi phạm hành chính và áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, cụ thể tại các điểm 2, 3, 4, 5, 6 Điều 1 của Quyết định số 1642, như sau: Công ty N2 có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn được quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. Với hình thức xử phạt chính: Phạt tiền mức phạt (tiểu mục 4254) số tiền 52.723.931.035 đồng đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn (theo tỷ lệ 20% trên số thuế thu hồi hoàn). Các biện pháp khắc phục hậu quả: Thu hồi tiền hoàn thuế GTGT (tiểu mục 7551) số tiền 263.619.655.176 đồng; tiền chậm nộp tiền thuế (tiểu mục 4943) số tiền 83.188.812.788 đồng. Tổng số tiền thuế thu hồi hoàn, tiền phạt, tiền chậm nộp qua thanh tra: 399.532.398.999 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thứ nhất: trong nội dung của Quyết định số 1642, người bị kiện Cục trưởng Cục thuế tỉnh không nêu ra quy định cụ thể nào làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Trong khi khoản 1 Điều 16 Nghị định số 125 của Chính phủ đã quy định cụ thể từ điểm a đến điểm đ, trường hợp xử phạt 20% số tiền thuế đối với các hành vi khai thiếu hoặc số tiền thuế đã được miễn, giảm, hoàn cao hơn so với quy định. Việc người bị kiện ban hành Quyết định số 1642 mà không chỉ ra được hành vi vi phạm thuộc trường hợp cụ thể nào quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 125 là không đảm bảo tính có căn cứ khi ban hành quyết định, gây khó khăn khi giải quyết khiếu nại, khiếu kiện đối với quyết định mà người bị kiện đã ban hành.

Thứ hai: vi phạm thời hạn, trình tự ban hành Kết luận thanh tra và chưa xem xét đến kết luận, kiến nghị của Đoàn Thanh tra tại Biên bản thanh tra.

Tại trang 16 mục 2 Phần III của Biên bản thanh tra thuế ngày 28/11/2023 (bút lục 240-248) có nội dung: “*Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Đoàn thanh tra Công ty N2 thì người ra Quyết định thanh tra phải có kết luận thanh tra thuế theo Điều 119 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019*” và Kết luận, kiến nghị về thu hồi hoàn thuế GTGT và xử phạt vi phạm hành chính tại mục 1.5 có nội dung: “*Đoàn thanh tra báo cáo Cục thuế xem xét xin ý kiến T4 chỉ đạo cụ thể. Đồng thời, chưa ban hành quyết định xử phạt và quyết định thu hồi hoàn thuế. Sau khi có kết luận chuyên môn của các cơ quan có thẩm quyền (Bộ N3, T4 và UBND tỉnh B), Đoàn Thanh tra sẽ xử lý theo quy định*”. Ngày 28/11/2023, Cục thuế tỉnh ký Biên bản thanh tra nhưng đến ngày 28/12/2023 (sau 30 ngày) mới ban hành Kết luận thanh tra số 5479 và Quyết định số 1642. Như vậy, Cục thuế tỉnh đã vi phạm thời hạn kết luận thanh tra. Và trong thời gian 01 tháng sau, ngày 28/12/2023, khi chưa có kết luận của T4, Bộ N3, UBND tỉnh, nhưng Cục thuế tỉnh đã ban hành Kết luận thanh tra và Quyết định xử phạt hành chính đối với Công ty N2. Trong Kết luận thanh tra số 5479 cũng không nhắc đến kết luận chuyên môn của các cơ quan này. Như vậy, Cục thuế tỉnh không căn cứ vào kết luận, kiến nghị của Đoàn Thanh tra. Ngoài ra, cùng ngày 28/12/2023, Cục thuế tỉnh ban hành kết luận thanh tra số 5479, Quyết định số 1642, nhưng ngày 20/12/2023, Cục thuế tỉnh đã ban hành Giấy mời số 863/GM về việc công khai Kết luận thanh tra vào ngày 29/12/2023 (mặt sau bút lục 116), xử phạt trước 01 ngày là không đúng trình tự quy định tại Điều 79 Luật Thanh tra, Điều 49 Nghị định số 43/2023 ngày 30/6/2023 của Chính phủ, Điều 37 Nghị định số 125.

Thứ ba: tại khoản 1 Điều 108 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 của Quốc hội, quy định về việc xử lý kết quả kiểm tra thuế, thanh tra thuế: “*1. Căn cứ vào kết quả kiểm tra thuế, thanh tra thuế, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế ra quyết định xử lý về thuế, thu hồi số tiền thuế đã hoàn không đúng quy định của pháp luật về thuế, xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế theo thẩm quyền hoặc đề nghị người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế. Trường hợp xác định rõ hành vi vi phạm hành chính tại biên bản thanh tra thuế, kiểm tra thuế thì biên bản thanh tra thuế, kiểm tra thuế được xác định là biên bản vi phạm hành chính*”. Và tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 125 của Chính phủ, quy định việc lập biên bản vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. “*a) Việc lập biên bản vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Trường hợp xác định rõ hành vi vi phạm hành chính tại biên bản thanh tra thuế, kiểm tra thuế thì biên bản thanh tra, kiểm tra thuế được xác định là biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật Quản lý thuế.*” Người bị kiện căn cứ vào Biên bản thanh tra thuế ngày 28/11/2023 của Đoàn thanh tra 1020 để ban hành Quyết định số 1642, tuy nhiên tại biên bản thanh tra này chỉ nêu các nội dung liên quan đến việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, giấy phép xây dựng liên quan đến dự án và điều kiện hoàn thuế của dự án đầu tư mà không chỉ ra hành vi vi phạm cụ thể của Công ty N2 4 trong lĩnh vực thuế.

Tại Biên bản thanh tra chỉ nêu “Công ty N2 chưa được cấp phép xây dựng phần diện tích 95ha (thực tế khoảng 90ha) nhưng vẫn thực hiện xây dựng trên toàn bộ dự án khoảng 240ha và đã đề nghị Cục thuế tỉnh Bình Phước hoàn thuế GTGT đối với cả dự án đầu tư”, mà không làm rõ hành vi khai sai cụ thể là gì; dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp bao nhiêu; hay tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn như thế nào theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 125 của Chính phủ. Như vậy, Biên bản thanh tra chưa xác định rõ hành vi hành vi vi phạm hành chính của Công ty N2 thì Biên bản thanh tra này không được xác định là biên bản vi phạm hành chính làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt. Ngoài ra, căn cứ theo các quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung năm 2020, quy định các trường hợp Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản và có lập biên bản, hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, thì khi xử lý vi phạm hành chính, Cục thuế tỉnh bắt buộc phải lập biên bản vi phạm hành chính với Công ty N2. Do Biên bản thanh tra ngày 28/11/2023 không được xem là Biên bản vi phạm hành chính làm căn cứ ban hành Quyết định xử phạt. Do đó, trường hợp này được xác định là Cục thuế tỉnh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Thứ tư: theo quy định tại các điểm 2, 3 khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ T3, quy định về điều kiện hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư: “Dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư”. Và quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015, quy định về dự án đầu tư với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là “Dự án được cấp phép đầu tư và giấy chứng nhận đủ điều kiện”. Công ty N2 đã được các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư và giấy phép hoạt động điện lực. Công ty N2 được Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định chủ trương đầu tư số 2359 với tiến độ thực hiện dự án đầu tư đến tháng 12/2021 mới phải hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan đến đất đai phần diện tích còn lại của dự án khoảng 63ha. Trước thời điểm tháng 12/2021, Công ty N2 đã hai lần nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đối với dự án (ngày 27/11/2020 và ngày 02/01/2021) và được Cục trưởng Cục T ban hành Quyết định hoàn thuế số 2224 ngày 29/12/2020 hoàn trả cho Công ty N2 4 số tiền thuế GTGT là 8.665.976.858 đồng, kỳ tính thuế Quý 1/2019 đến Quý 3/2020 và Quyết định hoàn thuế số 114/QĐ-CT ngày 25/01/2021 hoàn trả tiền thuế GTGT là 254.953.678.319 đồng, kỳ tính thuế Quý 4/2020. Tại thời điểm ban hành Quyết định số 1642, các quyết định hoàn thuế của Cục trưởng Cục thuế tỉnh đang có hiệu lực pháp luật nên hồ sơ hoàn thuế của Công ty N2 tại thời điểm khai hồ sơ được xác định thuộc trường hợp được hoàn thuế GTGT và đúng theo quy định pháp luật, chưa có cơ sở để xác định Công ty N2 vi phạm thủ tục liên quan đến đất đai đối với diện tích 63ha. Ngoài ra, Công ty N2 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, thủ tục để triển khai theo các Quyết định chủ trương đầu tư. Tại trang 15 Báo cáo số 330/BC-

UBND ngày 26/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh B gửi Đoàn công tác - Bộ N3 (sau khi có các Quyết định hoàn thuế 2020, 2021) đã ghi nhận việc triển khai các bước thủ tục Dự án Nhà máy Đ1: “*Công ty N2 4 thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục hiện hành: Được phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt đánh giá tác động môi trường, phê duyệt và cấp phép xây dựng, hoàn thiện việc cho thuê và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Đối với diện tích 63ha hiện nay chưa làm được thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất do nguyên nhân khách quan từ các cơ quan nhà nước. Theo Kết luận Thanh tra số 1027 của Chính phủ ngày 28/4/2023 có nội dung: “*Ủy ban nhân dân tỉnh B chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các thủ tục hoàn thiện hồ sơ quản lý đất đai, cho thuê đất theo quy định của pháp luật đối với 63ha đất đã xây dựng Nhà máy Đ1*”. Như vậy, người bị kiện ban hành Quyết định số 1642 xử phạt Công ty N2 về hành vi “*khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn*” là thiếu cơ sở, mâu thuẫn với các Quyết định hoàn thuế đang có hiệu lực của người bị kiện.

Thứ năm: tại khoản 11 Điều 16 Luật Quản lý thuế năm 2019, quy định quyền của người nộp thuế, quy định: “*11. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 125 của Chính phủ, quy định: “5. Quyết định xử lý của cơ quan thuế liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế là quyết định xử lý về hoàn thuế đối với trường hợp kiểm tra trước hoàn thuế; quyết định miễn, giảm thuế; quyết định về gia hạn nộp hồ sơ khai thuế; xử lý số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hoặc được hoàn hoặc số lỗ chuyển kỳ sau trên quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*”. Tại thời điểm khai hồ sơ đề nghị hoàn thuế, Công ty N2 được hoàn thuế GTGT từ Quý 1/2019 đến Quý 4/2020 là trường hợp người nộp thuế thực hiện theo quyết định xử lý của cơ quan thuế (Quyết định về việc hoàn thuế số 2224 và Quyết định về việc hoàn thuế số 114 của Cục thuế tỉnh B). Trước khi ra các Quyết định hoàn thuế với Công ty N2, Cục thuế đều có Biên bản kiểm tra trước khi hoàn thuế và có Kết luận về việc kiểm tra thuế đối với từng lần. Cả 02 lần đều kết luận Công ty N2 4 đủ điều kiện hoàn thuế. Tuy nhiên, tại Quyết định số 1642, người bị kiện áp dụng mức phạt tiền 52.723.931.035 đồng đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn (theo tỷ lệ 20% trên số thuế thu hồi hoàn). Các biện pháp khắc phục hậu quả thu hồi tiền hoàn thuế GTGT số tiền 263.619.655.176 đồng; tiền chậm nộp tiền thuế số tiền 83.188.812.788 đồng là chưa có cơ sở.

Thứ sáu: ngày 17/5/2023, Cục thuế tỉnh lập biên bản làm việc yêu cầu Công ty N2 kê khai điều chỉnh, bổ sung và nộp lại số tiền thuế GTGT đã được hoàn tương ứng với diện tích đất 63ha chưa được cho thuê trên tổng số 240ha diện tích toàn dự án (bút lục 134). Ngày 10/11/2023, Công ty N2 đã tự nguyện nộp lại số

tiền 52.778.839.502 đồng tiền hoàn thuế GTGT và 16.134.491.236 đồng tiền chậm nộp tương đương với phần diện tích 63ha theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (bút lục 126-129). Hơn nữa, pháp luật chưa có quy định về việc hoàn thuế đối với toàn bộ Dự án hay một phần Dự án *(do đó Biên bản làm việc ngày 17/5/2023 Cục T chỉ yêu cầu Công ty N2 nộp lại số tiền đã hoàn thuế trên 63ha)*. Tuy nhiên, ngày 28/12/2023, Cục trưởng Cục thuế tỉnh ban hành Quyết định số 1642 vẫn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là thu hồi toàn bộ số tiền hoàn thuế GTGT, không trừ đi số tiền hoàn thuế 52.778.839.502 đồng Công ty N2 đã nộp lại vào ngày 10/11/2023 và tính toán số tiền chậm nộp đối với toàn bộ số tiền hoàn thuế, không trừ đi số tiền chậm nộp 16.134.491.236 đồng Công ty N2 đã nộp vào ngày 10/11/2023 là không đúng, gây thiệt hại đến tài chính và quyền lợi của Công ty N2.

Thứ bảy: tại Điều 39, Điều 40 Thông tư 80/2021/TT-BTC của Bộ T3 quy định về thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế đối với người nộp thuế và thu hồi hoàn thuế thì người bị kiện căn cứ vào kết quả kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế tại trụ sở người nộp thuế, trường hợp phát hiện số thuế đã hoàn chưa đúng thì cơ quan thuế buộc phải ban hành Quyết định về việc thu hồi hoàn thuế theo Mẫu số 03/QĐ-THH ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này (nếu xác định cần phải thu hồi tiền hoàn, tiền chậm nộp), trên cơ sở đó, người bị kiện mới có căn cứ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, trong Quyết định số 1642, người bị kiện vừa ban hành quyết định về việc xử phạt hành chính và vừa thu hồi tiền hoàn thuế, tiền chậm nộp tiền thuế trong cùng một quyết định mà không ban hành Quyết định về việc thu hồi hoàn thuế theo quy định (mẫu số 03/QĐ-THH) nêu trên là không đúng quy định pháp luật.

[2.1.5] Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở xác định, người bị kiện ban hành Quyết định số 1642 tuy đúng hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục nhưng nội dung chưa đảm bảo, quyết định không viện dẫn các căn cứ pháp lý, điều khoản áp dụng cụ thể để ban hành quyết định; ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản vi phạm hành chính mà căn cứ vào biên bản thanh tra thuế chưa xác định rõ hành vi vi phạm hành chính; quyết định xử phạt mâu thuẫn với các kết luận và quyết định hoàn thuế của người bị kiện đang có hiệu lực; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không trừ đi số tiền hoàn thuế và tiền chậm nộp mà Công ty N2 đã nộp lại trước khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; không ban hành quyết định về việc thu hồi hoàn thuế trước khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Quyết định số 1642 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh B đã ban hành về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty N2 là vi phạm pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của Công ty N2 về việc hủy Quyết định số 1642 là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 405 và các quyết định khác có liên quan như Quyết định số 283; Lệnh thu số 2506; Quyết định số 486; Thông báo số 3770.

Sau khi Cục trưởng Cục thuế tỉnh B ban hành Quyết định số 1642 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty N2. Ngày 23/01/2024, Công ty N2 làm đơn khiếu nại Quyết định số 1642. Ngày 29/01/2024, Cục thuế tỉnh ban hành Thông báo số 267/TB-CT về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại; ngày 31/01/2024, Cục trưởng Cục thuế tỉnh ban hành Quyết định số 154/QĐ-CTBPH về việc xác minh đơn khiếu nại và thống nhất với kế hoạch xác minh nội dung đơn khiếu nại của Tổ xác minh số 154; qua quá trình thẩm tra, xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ, làm việc, đối thoại với đương sự, ngày 22/3/2024 Tổ xác minh QĐ số 154 đã ban hành báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại; trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh cũng như các văn bản pháp luật có liên quan, ngày 01/4/2024, Cục trưởng Cục thuế tỉnh ban hành Quyết định số 405 để giải quyết khiếu nại của Công ty N2 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 7, 27, 29, 31, 32 của Luật Khiếu nại năm 2011.

Tuy nhiên, như nội dung nhận định tại mục [2.1.5] nêu trên, người bị kiện Cục trưởng Cục thuế tỉnh B ban hành Quyết định số 1642 là không đảm bảo tính hợp pháp nên Cục trưởng Cục thuế tỉnh B ban hành Quyết định số 405 không chấp nhận nội dung khiếu nại yêu cầu thu hồi, hủy bỏ hành Quyết định số 1642 của Công ty N2 cũng không đúng quy định của pháp luật. Nên yêu cầu hủy Quyết định số 405 và các quyết định khác có liên quan như Quyết định số 283; Lệnh thu số 2506; Quyết định số 486; Thông báo số 3770 của Công ty N2 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty N2 không phải chịu. Cục trưởng Cục thuế tỉnh B và Cục thuế tỉnh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào các Điều 7, 27, 29, 31, 32 của Luật Khiếu nại năm 2011; các Điều 44, 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 2, khoản 2 Điều 8, Điều 16, khoản 4 Điều 32, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn; Mục 1 Chương XIII, khoản 11 Điều 16, khoản 1 Điều 108 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 của

Quốc hội quy định về việc xử lý kết quả kiểm tra thuế, thanh tra thuế; Điểm 2, 3 khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ T3 quy định về điều kiện hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư; Điều 39, Điều 40 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ T3 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định về dự án đầu tư với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần N2, về việc:

Hủy Quyết định số 1642/QĐ-XPHC ngày 28/12/2023 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Cổ phần N2.

Hủy Quyết định số 405/QĐ-CTBPH ngày 01/4/2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần N2 (lần đầu).

Hủy Quyết định số 283/QĐ-CTBPH-KĐT ngày 11/4/2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng.

Hủy Lệnh thu ngân sách nhà nước số 2506/TB-CTBPH-KĐT ngày 11/4/2024 của Cục Thuế tỉnh B.

Hủy Quyết định số 486/QĐ-CTBPH-KĐT ngày 13/5/2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.

Hủy Thông báo số 3770/TB-CTBPH-KĐT ngày 13/5/2024 của Cục Thuế tỉnh B về việc ngừng sử dụng hóa đơn.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Công ty Cổ phần N2 không phải chịu; hoàn trả Công ty Cổ phần N2 số tiền tạm ứng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000047 ngày 18/7/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng;

Cục Thuế tỉnh B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THA DS tỉnh Bình Phước;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tổ NV, Tòa HC.

Nguyễn Thị Nga (đã ký)